

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/6/2023
“V/v yêu cầu L2 hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan

Ông RChâm Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “Yêu cầu L2 hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào H, sinh năm 1979; địa chỉ: Xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ T, sinh năm 1973; Xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 13/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào H và ông Đỗ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. huyện Q1, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/4/1997, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyền số 04. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q. huyện Q1, tỉnh Thái Bình, đến khoảng năm 1999 thì gia đình chuyển vào huyện Ia Grai sinh sống. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc, cho đến khoảng năm 2022 thì đời sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do ông T tham gia bài bạc, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù các con, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần, nhưng ông T vẫn không thay đổi, từ tháng 7 năm 2022 đã bỏ đi sống nơi khác, không sống chung với bà H tại làng De Chí, xã I nữa. Khi bà nộp đơn L2 hôn thì ông T nói đồng ý L2 hôn. Nay bà thấy

tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn đạt được nên bà xin L2 hôn với ông Đỗ T .

Về con chung: Bà và ông Đỗ T có 03 con chung gồm cháu Đỗ Thị H2 sinh ngày 15/10/2001, cháu Đỗ Thị Phương T2, sinh ngày 30/12/2004, và cháu Đỗ Thị Thảo L2, sinh ngày 25/3/2009. Hiện cháu H2 và cháu T2 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; còn cháu L2 đang ở với bà H. Khi L2 hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L2, bà không yêu cầu ông Đỗ T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyền số 04 do Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm cấp năm 1997; Căn cước công dân ông Đỗ T bản sao, CCCD Đào H (bản sao), Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ ông Đỗ T (bản sao), Bản sao Giấy khai sinh của các cháu H2, TH , L2. Bản chính Trích lục cải chính hộ tịch số 409/TLCCHT ngày 23/11/2022 của UBND huyện Q1, tỉnh Thái Bình đối với bà Đào H .

2. Về phía bị đơn ông Đỗ T :

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh ông T , nhưng ông T không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên từ đủ 7 tuổi, cháu Đỗ Thị Thảo L2 trình bày: Cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ là bà Đào H .

3. Chứng cứ do Tòa án thu thập:

Tại Biên bản xác minh ngày 16/12/2022 và văn bản số 56/UBND – Tp ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã I1 thể hiện: Ông Đỗ T và bà Đào H có đăng ký thường trú và sinh sống tại xã I, huyện I1, tỉnh Gai Lai. Tuy nhiên, từ tháng 10/2022 ông T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, hiện ông T ở đâu, làm gì, vào thời điểm nào sẽ quay trở về làng thì địa phương không biết; Về tình trạng hôn nhân giữa ông T bà H thì địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T bà H .

Ngày 27/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai có Quyết định Số: 19/2023/QĐ – CCTLCC và Công văn số: 72/CV – TA, yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Q. huyện Q 1hạ, tỉnh Thái Bình cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của bà Đào H và ông Đỗ T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 16/4/1997; Trả lời cho Tòa án biết về việc ông Đỗ T , sinh ngày 11/10/1973 trong Căn cước công dân số 034073026029 được cấp ngày 25/9/2022 và ông Đỗ T , sinh ngày 03/10/1997 của Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm có phải cùng một người không.

Ngày 10/5/2023, Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm có công văn số: 02/CV – UBND trả lời với nội dung như sau: Đỗ T , sinh ngày 11/10/1973 trong CCCD số

034073026029 do CCS cấp ngày 15/09/2022 và ông Đỗ T , sinh ngày 03/10/1973 trong Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 16/04/1997 của Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm là cùng một người; cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo là trang số 16 – 17 của Sổ đăng ký kết hôn năm 1997 thể hiện việc bà H và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm, tài liệu có đóng dấu xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm vào ngày 10/5/2023).

Ngày 27/4/2021, Tòa án có Công văn số: 71/CV – TA gửi Ủy ban nhân dân xã Ia Pêch, huyện Ia Grai, yêu cầu cung cấp thông tin về việc cư trú của ông T và bà H tại địa phương, về quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa bà H và ông T , quan điểm của xã về việc bà H xin L2 hôn ông T .

Ngày 16/5/2023, tại Công văn số 56/UBND – TP Ủy ban nhân dân xã Ia Pêch trả lời như sau: Theo sổ bộ lưu trữ tại Công an xã Ia Pêch thì ông Đỗ T , sinh năm 1973 và bà Đào H , sinh năm 1979, có đăng ký cư trú tại xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai. Hiện tại bà H vẫn đang sinh sống tại địa phương, còn ông H không có mặt tại địa phương. Ủy ban nhân dân xã không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H ông T , việc L2 hôn là thực hiện theo quy định của pháp luật.

4.. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng.

Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào H . cho bà H L2 hôn ông Đỗ T .

Giao con chung là cháu Đỗ Thị Thảo L2, sinh ngày 25/3/2009 cho bà Đào H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí L2 hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đào H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho L2 hôn ông Đỗ T , yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu L2 hôn, tranh chấp nuôi con”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Ia Pếch, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Đào H tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định: Bà Đào H và ông Đỗ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn, thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân giữa bà H và ông T hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Đào H xin L2 hôn ông Đỗ T thấy rằng: Mục đích của việc kết hôn là nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Giữa bà H và ông T sau thời gian chung sống hạnh phúc thì đến nay phát sinh mâu thuẫn, không hòa giải được, hiện tại không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu L2 hôn ông T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H. Cho bà H được L2 hôn ông Đỗ T.

[2.2]. Về con chung:

Xét yêu cầu của bà H về việc được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ Thị Thảo L2, sinh ngày 25/3/2009. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại cháu L2 đang do bà H trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, bà H có chỗ ở, thu nhập ổn định, cháu L2 có nguyện vọng được ở với bà H, nên việc giao cháu L2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo sự ổn định, phát triển mọi mặt của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi L2 hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí L2 hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí L2 hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào H , cho bà Đào H L2 hôn ông Đỗ T .

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đỗ Thị Thảo L2, sinh ngày 25/3/2009 cho bà Đào H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về quyền thăm nom con: Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà H , ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Đào H phải chịu 300.000 đồng án phí L2 hôn sơ thẩm, được trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008755 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- UBND xã Quỳnh Lâm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẮM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Việt Anh